

**AASCS**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 14 tháng 02 năm 2008



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho 2 giai đoạn

**Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007)**

**Và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM  
E-mail: aascs@vnn.vn

Tel: (84.8) 8205944 - 8205947

Fax: (84.8) 8205942

Website: www.aascs.com.vn

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

---

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>3 - 5</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>6 - 6</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN:</b>	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 32

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Công ty**

Công Ty Cổ Phần Ba Sa là Doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ba Sa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000292 đăng ký lần đầu ngày 16/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 27/12/2007 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị thống nhất lấy ngày 01/04/2007 là ngày bắt đầu hoạt động của Công Ty Cổ Phần Ba Sa.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp, cung cấp dịch vụ,...

**Ngành nghề kinh doanh:** Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

**Vốn điều lệ** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 96.000.000.000 VND.

**Vốn góp cổ phần** của Công ty đến ngày 31/12/2007 là: 96.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

### **Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế cho 2 giai đoạn đến ngày 31/12/2007 là: 10.074.828.202 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối cho 2 giai đoạn đến thời điểm 31/12/2007 là: 7.598.652.126 VND.

### **Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

+ Ông : Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT
+ Ông : Võ Đình Duy	Ủy viên HĐQT
+ Ông : Nguyễn Sang Ba	Ủy viên HĐQT
+ Ông : Thái Hồng Phước	Ủy viên HĐQT
+ Ông : Nguyễn Việt Cường	Ủy viên HĐQT

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

---

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

+ Ông : Võ Tấn Minh	Giám đốc
+ Bà : Nguyễn Thị Hồng Loan	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

+ Bà : Đặng Thị Tuyết Anh	Trưởng ban kiểm soát
+ Bà : Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên
+ Bà : Hà Thị Nhung	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ ; Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp 2 giai đoạn: Công ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007) đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2007 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Ba Sa phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007).

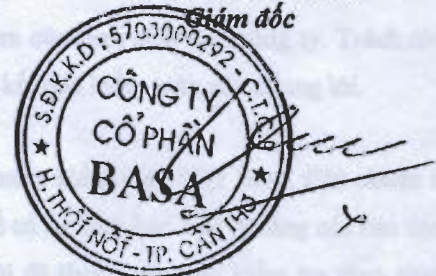
TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2008

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2008

TM. Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TM. Ban Giám đốc  
Giám đốc

  
Võ Tấn Minh

  
Võ Tấn Minh

0689-C  
G TY  
M HỮU H  
N TÀI CH  
KIỂM TOÁN  
NAM  
Ồ CH

19-C.T.N.H.H  
Y  
JU HAN  
AI CHINH  
TOÁN  
M  
CHI MINH



Số... 36... BCKT/TC

Ngày 2 tháng 2 năm 2008

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn  
Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007)  
Và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Ba Sa  
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Ba Sa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007) được lập ngày 12 tháng 01 năm 2008 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 kết thúc tại ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban lãnh đạo công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp cho hai giai đoạn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa  
Chứng chỉ KTV số 0424/ KTV

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			31/12/2007	01/01/2007
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>				
	<b>100</b>		<b>94.918.619.792</b>	<b>57.629.040.819</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>2.461.202.032</b>	<b>12.061.268.458</b>
1. Tiền	111		2.461.202.032	12.061.268.458
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2</b>	<b>28.000.166.912</b>	<b>28.481.878.204</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	2.1	21.385.351.942	22.887.188.442
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	6.572.429.970	4.680.002.762
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2.3	42.385.000	914.687.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>3</b>	<b>62.463.092.928</b>	<b>11.265.277.947</b>
1. Hàng tồn kho	141		62.463.092.928	11.265.277.947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.994.157.920</b>	<b>5.820.616.210</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.228.083.463	398.976.494
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4	766.074.457	5.421.639.716
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)</b>				
	<b>200</b>		<b>119.171.793.139</b>	<b>45.072.605.980</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			31/12/2007	01/01/2007
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5</b>	<b>107.658.227.296</b>	<b>42.435.136.843</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.1	44.404.835.180	38.589.358.085
- Nguyên giá	222		52.202.591.911	42.503.564.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.797.756.731)	(3.914.206.706)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.2	35.355.684.129	-
- Nguyên giá	228		35.695.200.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(339.515.871)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		27.897.707.987	3.845.778.758
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.513.565.843</b>	<b>2.637.469.137</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	11.513.565.843	2.637.469.137
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>214.090.412.931</b>	<b>102.701.646.799</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			31/12/2007	01/01/2007
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>110.476.411.831</b>	<b>48.932.648.374</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.566.425.131</b>	<b>46.154.291.273</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	7	75.714.000.000	32.936.035.000
2. Phải trả cho người bán	312	8	7.559.605.058	9.318.660.095
3. Người mua trả tiền trước	313	9	498.621.039	2.861.859.058
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	802.717.484	4.716.092
5. Phải trả người lao động	315	11	729.954.770	860.920.857
6. Chi phí phải trả	316			83.021.035
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	13.261.526.779	89.079.136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.909.986.700</b>	<b>2.778.357.101</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	13	11.859.810.732	2.738.425.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		50.175.968	39.932.101
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>103.614.001.100</b>	<b>53.768.998.425</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>103.598.652.126</b>	<b>53.509.910.151</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	36.242.961.066
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.598.652.126	17.266.949.085
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2007	01/01/2007
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>15.348.974</b>	<b>259.088.274</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	14	15.348.974	259.088.274
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>214.090.412.931</b>	<b>102.701.646.799</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2007	01/1/2007
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD	15.2	8.106,88	359.227,05
- EURO	17	328,90	350,57
- AUD		139,17	139,17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Ngô Đồng Thành*

*Ngô Đồng Thành*

Ngô Đồng Thành

Ngô Đồng Thành



Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Th

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	220.343.913.193
2. Các khoản giảm trừ		504.737.566
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		219.839.175.627
4. Giá vốn hàng bán	16	169.361.971.325
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.477.204.302
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	283.967.399
7. Chi phí tài chính	17	5.735.971.882
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.418.390.677
8. Chi phí bán hàng		30.100.840.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.136.274.377
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.788.084.993
11. Thu nhập khác		714.109.758
12. Chi phí khác		926.640
13. Lợi nhuận khác		713.183.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.501.268.111
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	1.426.439.909
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.074.828.202
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu

*Ngô Đồng Thanh*  
Ngô Đồng Thanh

Kế toán trưởng

*Ngô Đồng Thanh*  
Ngô Đồng Thanh



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế		11.501.268.111
2. Điều chỉnh cho các khoản		7.992.604.221
- Khấu hao tài sản cố định		3.617.466.101
- Các khoản dự phòng		
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(89.748.832)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.383.783)
- Chi phí lãi vay		4.482.270.735
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.493.872.332
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		4.308.169.582
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(51.197.814.981)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		5.663.818.280
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(8.876.096.706)
- Tiền lãi vay đã trả		(4.482.270.735)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		90.082.255
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		3.150.181.732
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(31.850.058.241)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(69.446.156.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.383.783
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(69.428.772.566)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		59.757.038.934
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		329.956.127.595
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(278.056.776.863)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.968.190.068)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>91.688.199.598</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(9.590.631.209)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.061.268.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.435.217)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>2.461.202.032</b>

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngô Đồng Thanh

Ngô Đồng Thanh



Võ Tấn Minh

102050685  
CÔNG TY  
CH NHIỆM HỮU  
VỤ TƯ VẤN TÀI  
TOÁN VÀ KIỂM  
PHÍA NAM  
TP. HỒ C

19-C.T.I.N.H.H  
Y  
JU HAN  
I CHÍNH  
I TOÁN  
M  
CHI MINH

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2007 đến ngày 31/12/2007*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Ba Sa là Doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ba Sa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000292 đăng ký lần đầu ngày 16/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 27/12/2007 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư thành phố Cần Thơ cấp. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị thống nhất lấy ngày 01/04/2007 là ngày bắt đầu hoạt động của Công Ty Cổ Phần Ba Sa.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp, cung cấp dịch vụ,...

**3. Ngành nghề kinh doanh:** Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

*Vốn điều lệ* của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 96.000.000.000 VND.

*Vốn góp cổ phần* của Công ty đến ngày 31/12/2007 là: 96.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

### **II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

#### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm cuối cùng của Công Ty TNHH SXTM Ba Sa bắt đầu từ ngày 01/01/2007 và kết thúc vào ngày 31/03/2007.

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công Ty Cổ Phần Ba Sa bắt đầu từ ngày 01/04/2007 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Các kỳ kế toán tiếp theo của Công Ty Cổ Phần Ba Sa bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### **2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### **2.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### **2.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà

**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

---

nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**5.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.



**Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)**

Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

---

**5.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	09 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 25 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

***Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:***

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí hệ thống nước, nhà xe;
- Lợi thế thương mại,...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;  
Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền
- kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 80/CN-CT.UB ngày 01/08/2002, Công ty phải nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% kể từ ngày 13/04/2002. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 4 (bốn) năm tiếp theo.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

#### 1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>705.380.085</b>	<b>53.342.201</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1.755.821.946</b>	<b>12.007.926.257</b>
Tiền gửi VND	1.712.542.261	6.219.319.176
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	33.950.264	5.780.322.455
Tiền gửi ngoại tệ (EUR)	7.696.261	6.651.466
Tiền gửi ngoại tệ (AUD)	1.633.160	1.633.160
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.461.202.032</b>	<b>12.061.268.458</b>

#### Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2007 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2007 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

#### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

##### 2.1. Phải thu khách hàng

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
	<b>21.385.351.942</b>	<b>22.887.188.442</b>

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2007 là:

Trong đó:

+ Công Ty TNHH TS Tân Việt Thành	371.866.400
+ PRZEDSIĘBIORSTW WIELOBRANZOWE WALDI	1.015.182.000
+ DEKERCO SARL (Liban)	1.950.760.840
+ OOO"FLAGMAN" (Atlantida)	11.046.388.710
+ OOO"SKAT"	2.424.351.300
+ MAXI TRADE	2.196.394.270
+ CDN Australia Pty. Ltd.,	1.423.188.480
+ Pan Ocean Singapore Pte. Ltd.,	674.129.190
+ Các khách hàng khác	283.090.752

**Tổng cộng:**

**21.385.351.942**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 2.2. Trả trước cho người bán

31/12/2007	01/01/2007
VND	VND
<b>6.572.429.970</b>	<b>4.680.002.762</b>

Chi tiết số dư khoản mục trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2007 là:

Trong đó:

+ Nguyễn Thị Ngọc Vân	980.638.385
+ Nguyễn Trọng Hoàng	278.176.000
+ Công ty TNHH Cơ Điện Thới Hưng	827.514.000
+ DNTN Cơ Điện Đại Quang	400.000.000
+ DNTN Phi Hải	640.000.000
+ Alco-food-machines GmbH & Co.KG	1.101.424.000
- Nguyễn Sang Ba	1.319.638.385
- Nguyễn Minh Thành	499.800.000
- Nguyễn Minh Hải	94.500.000
- Nguyễn Văn Liệp	51.500.000
+ Các khách hàng khác	379.239.200

**Tổng cộng:**

**6.572.429.970**

### 2.3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	42.385.000	914.687.000

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2007 là:

Trong đó:

- Quan Ngọc Đức	790.000
- Phải thu lại từ quỹ khen thưởng phúc lợi	41.566.500
- Phan Thị Mỹ Hương	28.500

**Tổng cộng**

**42.385.000**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 3 HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2007</u>	<u>01/01/2007</u>
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường		-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.170.784.612	180.333.475
- Công cụ, dụng cụ	2.100.829.043	1.381.967.924
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	57.191.479.273	9.702.976.548
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>62.463.092.928</u></b>	<b><u>11.265.277.947</u></b>

### 4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

#### 4.1. Tạm ứng

	<u>31/12/2007</u>	<u>01/01/2007</u>
	VND	VND
	<b><u>155.303.312</u></b>	<b><u>4.542.895.746</u></b>
<i>Chi tiết số dư khoản mục phải thu tạm ứng tại ngày 31/12/2007 là:</i>		
<i>Trong đó:</i>		
+ Hoàng Đức Tri	112.796.922	
+ Các nhân viên khác	42.506.390	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>155.303.312</u></b>	

#### 4.2. Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	<u>31/12/2007</u>	<u>01/01/2007</u>
	VND	VND
	<b><u>610.771.145</u></b>	<b><u>878.743.970</u></b>
<i>Chi tiết số dư khoản mục ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/12/2007 là:</i>		
<i>Trong đó:</i>		
+ Ngân Hàng Công Thương Cần Thơ (EUR)	50.545	
+ Ngân Hàng Á Châu Cần Thơ (USD)	610.720.600	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>610.771.145</u></b>	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

#### 5.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>13.157.107.573</b>	<b>25.879.871.833</b>	<b>1.551.133.968</b>	<b>1.585.753.743</b>	<b>329.697.674</b>	<b>42.503.564.791</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>76.492.427</b>	<b>9.160.800.168</b>	<b>446.120.182</b>	<b>15.614.343</b>	-	<b>9.699.027.120</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua sắm mới	-	7.718.712.420	-	15.614.343	-	7.734.326.763
- Tăng khác (*)	76.492.427	1.442.087.748	446.120.182	-	-	1.964.700.357
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>13.233.600.000</b>	<b>35.040.672.001</b>	<b>1.997.254.150</b>	<b>1.601.368.086</b>	<b>329.697.674</b>	<b>52.202.591.911</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>520.825.015</b>	<b>2.777.663.834</b>	<b>276.729.854</b>	<b>287.762.618</b>	<b>51.225.385</b>	<b>3.914.206.706</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	<b>1.103.068.896</b>	<b>2.298.316.142</b>	<b>235.150.371</b>	<b>187.681.032</b>	<b>59.333.583</b>	<b>3.883.550.025</b>
- Khấu hao trong năm	408.641.911	1.739.093.997	170.138.499	135.856.190	34.589.592	2.488.320.189
- Tăng khác	694.426.985	559.222.145	65.011.872	51.824.842	24.743.991	1.395.229.836
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>1.623.893.911</b>	<b>5.075.979.976</b>	<b>511.880.225</b>	<b>475.443.650</b>	<b>110.558.968</b>	<b>7.797.756.731</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>12.636.282.558</b>	<b>23.102.207.999</b>	<b>1.274.404.114</b>	<b>1.297.991.125</b>	<b>278.472.289</b>	<b>38.589.358.085</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>11.609.706.089</b>	<b>29.964.692.025</b>	<b>1.485.373.925</b>	<b>1.125.924.436</b>	<b>219.138.706</b>	<b>44.404.835.180</b>



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2007*

### **5.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
1. Số dư đầu năm				
2. Số tăng trong năm	35.695.200.000			35.695.200.000
<i>Bao gồm:</i>				-
- Mua trong năm				-
- Tạo ra từ nội bộ DN				-
- Tăng do hợp nhất KD				-
- Tăng khác (*)	35.695.200.000			35.695.200.000
3. Số giảm trong năm				-
<i>Bao gồm:</i>				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
4. Số dư cuối năm	<b>35.695.200.000</b>			<b>35.695.200.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm				
2. Khấu hao trong năm	339.515.871			339.515.871
3. Giảm trong năm				-
<i>Bao gồm:</i>				-
- Thanh lý nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm	<b>339.515.871</b>			<b>339.515.871</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	35.355.684.129	-	-	35.355.684.129

### **Ghi chú:**

(\*) Tăng khác: Do chuyển tài sản từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ba Sa qua Công Ty Cổ Phần Ba Sa (Đơn vị chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp)

Tài sản cố định đơn vị dùng để thế chấp, cầm cố vay ngân hàng là: 35.108.977.147 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn,...	2.834.725.201	2.637.469.137
- Lợi thế thương mại	8.678.840.642	
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.513.565.843</b>	<b>2.637.469.137</b>

### 7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
- Vay ngắn hạn	75.714.000.000	32.936.035.000
Trong đó:		
+ Ngân Hàng Công Thương Cần Thơ	39.479.000.000	15.036.035.000
+ Ngân Hàng Á Châu Cần Thơ	12.640.000.000	10.000.000.000
+ Ngân Hàng HSBC	23.595.000.000	7.900.000.000
- Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.714.000.000</b>	<b>32.936.035.000</b>

#### Ghi chú:

- Số dư khoản vay ngắn hạn 39.479.000.000 VND vào ngày 31/12/2007 của Công ty tại Ngân hàng Công Thương Cần Thơ là của hợp đồng tín dụng số 07.43.0046/HĐTD/2007/HĐ ngày 28/06/2007 với hạn mức tín dụng là: 40.000.000.000 VND.

- Số dư khoản vay ngắn hạn 12.640.000.000 VND vào ngày 31/12/2007 của Công ty tại Ngân hàng Á Châu Cần Thơ là của hợp đồng tín dụng số 38.140507TDK ngày 14/05/2007 với hạn mức tín dụng là: 20.000.000.000 VND.

- Số dư khoản vay ngắn hạn 23.595000.000 VND vào ngày 31/12/2007 của Công ty tại Ngân hàng HSBC là của thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng ngày 26/06/2007 với hạn mức tín dụng là: 32.000.000.000 VND.

### 8. Phải trả người bán

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	7.559.605.058	9.318.660.095

Chi tiết số dư khoản mục phải trả người bán tại ngày 31/12/2007 là:

Trong đó:	
+ Nguyễn Thanh Tòng	1.587.343.500
+ Nguyễn Văn Tuấn	1.211.814.200
+ Công Ty TNHH CN IN-BB Hoàng Lộc	585.998.688
+ Nguyễn Thị Ngọc Vân	1.101.024.931

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

+ Công Ty TNHH TM-XNK Hoàng Phi Quân	249.062.976
+ Công Ty TNHH APL-NOL Việt Nam	268.612.520
+ Công Ty TNHH EIMSKIP VIETNAM	1.805.251.100
+ Các khách hàng khác	750.497.143

**Tổng cộng** 7.559.605.058

### 9. Người mua trả trước

31/12/2007	01/01/2007
VND	VND
<u>498.621.039</u>	<u>2.861.859.058</u>

Chi tiết số dư khoản mục phải trả người bán tại ngày 31/12/2007 là:

Trong đó:

+ Cơ Sở Huy Hương	395.845.946
+ RV. Trading Company (Asean)	64.101.493
+ TPK RIBNIY DOM	38.673.600

**Tổng cộng** 498.621.039

### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
<b>10.1 Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>802.717.484</b>	<b>4.716.092</b>
1. Thuế GTGT	-	4.976
2. Thuế TTĐB	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
4. Thuế TNDN	802.717.484	-
5. Thuế tài nguyên	-	-
6. Thuế nhà đất	-	-
7. Tiền thuê đất	-	-
8. Các loại thuế khác	-	4.711.116
+ Thuế thu nhập cá nhân	-	4.711.116
+ Các loại thuế khác	-	-
<b>10.2 Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>802.717.484</b>	<b>4.716.092</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 11. Phải trả người lao động

	<i>31/12/2007</i>	<i>01/01/2007</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1. Lương phải trả	729.954.770	860.920.857
2. Chi tiết các khoản phải trả khác cho NLD	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>729.954.770</b>	<b>860.920.857</b>

### 12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>31/12/2007</i>	<i>01/01/2007</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH	-	66.829.936
- KPCĐ	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.261.526.779	22.249.200
- Vay tiền không tính lãi	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.261.526.779</b>	<b>89.079.136</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007



### 13. Vay dài hạn

#### 13.1. Vay dài hạn

- Vay ngân hàng
  - + Ngân Hàng Công Thương Cần Thơ
  - + Ngân Hàng Á Châu
- Vay đối tượng khác
- Trái phiếu phát hành

#### 13.2. Nợ dài hạn

#### Tổng cộng

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
	<b>11.859.810.732</b>	<b>2.738.425.000</b>
- Vay ngân hàng	11.859.810.732	2.738.425.000
+ Ngân Hàng Công Thương Cần Thơ	7.659.329.732	1.384.600.000
+ Ngân Hàng Á Châu	4.200.481.000	1.353.825.000
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
13.2. Nợ dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.859.810.732</b>	<b>2.738.425.000</b>

#### Ghi chú:

- Số dư khoản vay dài hạn 7.659.329.732 VND vào ngày 31/12/2007 của Công ty tại Ngân hàng Công Thương Cần Thơ là của các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2007
06.43.0041/HĐTD ngày 12/10/2006	1%/tháng	40 tháng	900.000.000	729.729.732
07.43.0044/HĐTD ngày 17/8/2007	1%/tháng	44 tháng	900.000.000	900.000.000
06.43.0048/HĐTD ngày 30/11/2006	1%/tháng	44 tháng	1.600.000.000	1.440.000.000
07.43.0026/HĐTD ngày 30/05/2007	1%/tháng	44 tháng	3.500.000.000	3.237.500.000
07.43.0024/HĐTD ngày 22/05/2007	1%/tháng	44 tháng	850.000.000	807.500.000
04080041/HĐTD ngày 21/07/2004	0,85%/tháng	48 tháng	2.990.600.000	544.600.000
<b>Cộng</b>			<b>10.740.600.000</b>	<b>7.659.329.732</b>

- Số dư khoản vay dài hạn 4.200.481.000 VND vào ngày 31/12/2007 của Công ty tại Ngân hàng Á Châu Cần Thơ là của các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2007
234.161105TDH ngày 16/11/2005	0,93%/tháng	60 tháng	370.000.000	215.825.000
246.241105TDH ngày 19/12/2005	0,93%/tháng	60 tháng	1.330.000.000	797.992.000
288.111206TDH ngày 11/12/2006	1,14%/tháng	60 tháng	1.000.000.000	866.664.000
143.270607TDH ngày 27/06/2007	1,15%/tháng	60 tháng	1.200.000.000	1.120.000.000
179.200807TDH ngày 20/08/2007	1,10%/tháng	60 tháng	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>			<b>5.100.000.000</b>	<b>4.200.481.000</b>

Báo cáo tài chính tổng hợp cho 2 giai đoạn: Công Ty TNHH SXTM Ba Sa (3 tháng đầu năm 2007) và Công Ty Cổ Phần Ba Sa (9 tháng cuối năm 2007)  
Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### 14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	1	2	3	5	6	7	8	9
<b>- Số dư đầu năm</b>	<b>36.242.961.066</b>	-	-	-	-	-	<b>259.088.274</b>	<b>17.266.949.085</b>
<b>Tăng trong năm nay</b>	<b>59.757.038.934</b>	-	-	-	-	-	<b>15.348.974</b>	<b>10.074.828.202</b>
- Tăng vốn	59.757.038.934							
- Lợi nhuận tăng trong năm								10.074.828.202
- Trích lập quỹ							15.348.974	
- Tăng khác								
<b>Giảm trong năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>259.088.274</b>	<b>19.743.125.161</b>
- Chia cổ tức								19.700.000.000
- Trích lập quỹ								
- Bổ sung vốn kinh doanh từ khoản thuế TNDN được miễn giảm								
- Giảm khác							259.088.274	43.125.161
<b>- Số dư đầu cuối năm</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.348.974</b>	<b>7.598.652.126</b>

#### 14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2007		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	96.000.000.000	96.000.000.000	
Thặng dư vốn cổ phần			
Cổ phiếu ngân quỹ(*)			

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2007*

*Đơn vị tính: VND*

### **14.3. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
- Quỹ khen thưởng phúc lợi

#### ***Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:***

##### ***14.3.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:***

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

##### ***14.3.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để***

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

##### ***14.3.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:***

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

##### ***14.3.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:***

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 15. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2007
<b>15.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>220.343.913.193</b>
- <b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>220.343.913.193</b>
+ Doanh thu bán hàng hóa	59.994.372.125
+ Doanh thu bán thành phẩm	160.349.541.068
- <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	
- <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>504.737.567</b>
+ Chiết khấu thương mại	-
+ Giảm giá hàng bán	504.737.567
+ Hàng bán bị trả lại	-
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)	-
+ Thuế TTĐB	-
+ Thuế xuất khẩu	-
- <b>Doanh thu thuần</b>	<b>219.839.175.626</b>
Trong đó:	
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá, thành phẩm	219.839.175.626
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-
<b>15.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>283.967.399</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.383.783
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	176.834.784
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán chưa thực hiện	89.748.832

### 16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2007
- Giá vốn của hàng hóa	49.225.193.644
- Giá vốn của thành phẩm	120.136.116.065
- Hao hụt, mất mát	661.616
<b>Tổng cộng</b>	<b>169.361.971.325</b>

### 17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2007
- Chi phí lãi vay	5.418.390.677
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	317.581.205
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.735.971.882</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### 18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2007</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.426.439.909
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.426.439.909</u></b>

### 19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi tiêu	<u>Năm 2007</u>
20.1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.013.012.902
20.2. Chi phí nhân công	10.486.100.728
20.3. Chi phí khấu hao TSCĐ	2.827.836.060
20.4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.463.044.037
20.5. Chi phí khác bằng tiền	1.077.826.475
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>269.867.820.202</u></b>

Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngô Đồng Thanh

Ngô Đồng Thanh

